

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÚA NGAM
TRƯỜNG THCS NÚA NGAM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Stt	Họ và Tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Phạm Trung Thành	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2.	Trần Thị Tươi	P.Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3.	Nguyễn Hồng Diễm	P.Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4.	Phạm Thị Như Quỳnh	Thư ký HĐ trường	Thư ký hội đồng	
5.	Hà Thị Sen	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên hội đồng	
6.	Lê Thị Hồi	Tổ trưởng tổ HĐGD	Ủy viên hội đồng	
7.	Nguyễn Văn Cương	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
8.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9.	Nguyễn Thị Giang	Giáo viên	Thư ký hội đồng	

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1	13
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	17
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	21
Tiêu chí 1.6	22
Tiêu chí 1.7	24
Tiêu chí 1.8	26
Tiêu chí 1.9	27
Tiêu chí 1.10	29
Kết luận về tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	35
Tiêu chí 2.3	38
Tiêu chí 2.4	39
Kết luận về tiêu chuẩn 2	41
Tiêu chuẩn 3	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1	42
Tiêu chí 3.2	44
Tiêu chí 3.3	45
Tiêu chí 3.4	47
Tiêu chí 3.5	48
Tiêu chí 3.6	49
Kết luận về tiêu chuẩn 3	51
Tiêu chuẩn 4	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 4.1	52

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 4.2	54
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4</i>	56
Tiêu chuẩn 5	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1	57
Tiêu chí 5.2	59
Tiêu chí 5.3	60
Tiêu chí 5.4	62
Tiêu chí 5.5	63
Tiêu chí 5.6	65
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i>	66
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	67
Tiêu chí 1	67
Tiêu chí 2	68
Tiêu chí 3	70
Tiêu chí 4	70
Tiêu chí 5	71
Tiêu chí 6	72
Kết luận	73
Phần III: KẾT LUẬN CHUNG	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Từ, cụm từ viết tắt	Viết đầy đủ	Ghi chú
----------------------------	--------------------	----------------

CMHS	Cha mẹ học sinh	
CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	
CSVC	Cơ sở vật chất	
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo	
KHKT	Khoa học kỹ thuật	
PCGD	Phổ cập giáo dục	
TNCS	Thanh niên cộng sản	
TNTP	Thiếu niên tiền phong	
THCS	Trung học cơ sở	
THPT	Trung học phổ thông	
UBND	Ủy ban nhân dân	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3

Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	x
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5	x		

Tiêu chí 6	x		
------------	---	--	--

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 3

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THCS Núa Ngam.

Tên trước đây: Trường trung học cơ sở xã Núa Ngam.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Núa Ngam.

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Phạm Trung Thành
------	-----------	-----------------------	------------------

Xã	Núa Ngam		0945277694
Đạt chuẩn quốc gia	2012, 2016, 2023	Gmail	thcsnuangam@gmail.com
Năm thành lập	2000	Fax	Không
Công lập	x	Website	https://thcsnuangam.huyendienbien.edu.vn/admin
Tư thục	Không	Số điểm trường	Không
Trường chuyên biệt	Không	Loại hình khác	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023 -2024	Năm học 2024 -2025	Năm học 2025 -2026
Khối 6	4	3	4	4	3
Khối 7	3	4	3	3	3
Khối 8	3	3	4	3	3
Khối 9	3	3	3	3	3
Cộng	13	13	14	13	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	21	22	23	24	23
1	Phòng học	13	13	14	13	12
a	Phòng học kiên cố	13	13	14	13	12
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	5	6	7	7	7
a	Phòng kiên cố	5	6	7	7	7
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	3	3
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	8	8	8	8	8
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	2	2	2	2	2
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0
V	Phòng giáo dục nghệ thuật	0	0	0	0	0
	Cộng	31	32	34	33	32

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1				1		
Phó hiệu trưởng	2	1			2		
Giáo viên	22	19	6		22		
Nhân viên	3	2	2		3		
Cộng	28	22	8		28		

b) Số liệu 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
1	Tổng số giáo viên	26	26	26	24	22
2	Tỉ lệ giáo viên trên/ lớp	2,0	2,0	1,85	1,70	1,83
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,062	0,058	0,030	0,030	0,043
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện	9	9	8	8	8
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên.	3	3	3	3	3
6	Các số liệu khác: Tổng phụ trách Đội giỏi cấp huyện, tỉnh	1	1	1	1	1

4. Học sinh**a) Số liệu chung**

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
1	Tổng số học sinh	422	453	485	503	503
	Nữ	207	219	235	238	245
	Dân tộc thiểu số	367	391	408	425	243
	Khối lớp 6	133	124	125	127	126
	Khối lớp 7	117	133	126	127	126

	<i>Khối lớp 8</i>	89	112	125	128	125
	<i>Khối lớp 9</i>	83	84	109	121	126
2	Tổng số tuyển mới	133	124	125	127	126
3	Học 2 buổi/ngày	422	453	485	503	503
4	Bán trú	167	178	190	206	213
5	Nội trú					
6	Bình quân số học sinh/lớp	32,5	34,8	34,6	38,7	41,9
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	419 99,3%	443 98,0%	480 99,0%	498 99,0%	489 97,2%
	- Nữ	206 48,8%	216 47,7%	234 48,2%	238 47,3%	245 48,7%
	- Dân tộc	364 86,3%	383 84,5%	404 83,3%	425 84,5%	423 84,1%
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	26/5	28/0	34/1	33/3	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)					

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	6,5	10	10	10,3	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	31,5	35	37	37,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Đạt	60,0	53,3	49,7	55,3	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Chưa đạt	2,0	1,7	1,1	0,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	72,0	77,0	75,9	81,9	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	24,3	21,1	21,8	17,1	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Đạt	3,7	1,9	2,2	1,0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Núa Ngam, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 12/7/2001 theo Quyết định số 1019/2001/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Đến ngày 27/5/2011 đổi tên thành trường PTDTBT THCS xã Núa Ngam theo Quyết định số 1503/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Đến ngày 19/11/2021 đổi tên thành trường THCS xã Núa Ngam theo Quyết định số 2823/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân

huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Đến ngày 09/9/2025 đổi tên thành trường THCS Núa Ngam theo quyết định số 143/QĐ-UBND của UBND xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.

Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Với sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu không ngừng của tập thể, nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận đạt chuẩn Quốc gia vào ngày 08/3/2012 và công nhận lại trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia vào ngày 29/12/2016, đến ngày 16/01/2023 trường được thẩm định đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng, luôn tạo được niềm tin của nhân dân và chính quyền địa phương. Hằng năm, nhà trường được đều được khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị: Bằng khen của UBND tỉnh, Giấy khen của UBND huyện, Giấy khen của Sở GD&ĐT...

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng Quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo đúng quy định hiện hành.

Ban giám hiệu nhà trường tâm huyết với nghề, nhiệt tình, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục. Hằng năm đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

Đội ngũ giáo viên được biên chế đủ về số lượng và đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Chất lượng giảng dạy của giáo viên khá đồng đều.

CSVC nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, có 12 phòng học đủ cho học một ca/ngày, có 7 phòng bộ môn và các phòng làm việc theo quy định.

Trong những năm vừa qua, chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh luôn đảm bảo. Các tổ chức đoàn thể, ban đại diện CMHS của nhà trường hoạt động có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức học sinh, công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, góp phần tăng cường CSVC, đặc biệt hiệu quả trong công tác khuyến học, phổ cập giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường tiến hành tổ chức tự đánh giá chất lượng để thấy rõ thực trạng của chất lượng giảng dạy và học tập, thấy được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả, xây dựng chiến lược phát triển cho các giai đoạn tiếp theo.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá, trường THCS Núa Ngam đã tổ chức xây dựng kế hoạch, ban hành quyết định, chuẩn bị tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên trước khi tiến hành đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

3.1. Quy trình tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông tại đơn vị nhà trường gồm 7 bước theo đúng quy định tại Điều 23, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể như sau:

- Bước 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá
 - Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá
 - Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
 - Bước 4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
 - Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá
 - Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá
 - Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá
- 3.2. Điểm nổi bật của báo cáo

Báo cáo thực hiện theo đúng quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024, Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn Cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020, Thông tư Bộ GD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; tài liệu tập huấn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT năm 2018

Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả qua các nội hàm rõ ràng, cụ thể về hiện trạng và kết quả của nhà trường đã đạt được. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá nêu được những điểm mạnh, điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, trong đó thể hiện rõ nội dung phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Để khẳng định tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thể hiện qua các mã minh chứng, đó là kết quả cho thấy sự lao động miệt mài của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Sau thời gian làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác tự đánh giá của trường đã cơ bản thành công. Đó là sự tập trung trí tuệ cao cho một công trình khoa học của tập thể.

Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục với các cấp có thẩm quyền.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức và quản lý theo quy định của Điều lệ trường trung học. Cơ cấu tổ chức bộ máy trong nhà trường thành lập theo quy định: Hội đồng trường, Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh,

Ban đại diện CMHS, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trường có đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên dạy giỏi cấp huyện, có kinh nghiệm trong việc điều hành hoạt động của tổ chuyên môn nên đã góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035 phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với các nguồn lực nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quản lý, hành chính, tài chính, tài sản đúng quy định. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học khoa học, đảm bảo không xảy ra các hành vi bạo lực học đường, tệ nạn xã hội xâm nhập.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo. Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được các cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai dưới nhiều hình thức: đăng tải công khai lên trang web của nhà trường theo địa chỉ <https://thcsnuangam.huyendienbien.edu.vn/admin>. Đồng thời được công khai trước

Hội đồng trường, cơ quan quản lý giáo dục, CB, GV, NV, CMHS và học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05].

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

Định kì nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-01]; [H1-1.1-06];.

2. Điểm mạnh

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng; có sự phê duyệt của ủy ban nhân dân xã Núi Ngăm. Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng đội ngũ ngày được nâng lên, CSVC nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp.

Trong quá trình thực hiện nhà trường giám sát chặt chẽ việc thực hiện, kịp thời rà soát, bổ sung, điều chỉnh sát với tình hình thực tế; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai với nhiều hình thức và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Do là một xã vùng khó khăn, trình độ dân trí còn thấp nên việc đóng góp ý kiến của phụ huynh, cộng đồng để xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm tranh thủ sự đóng góp của mọi nguồn lực, tổ chức, cá nhân để rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với thực tiễn, tiềm lực của nhà trường và địa phương.

Cán bộ, giáo viên tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác truyền thông để nâng cao nhận thức của nhân dân về giáo dục. Đa dạng hóa việc tiếp nhận các ý kiến đóng góp của phụ huynh và cộng đồng trong thông qua các buổi họp của các thôn bản, họp phụ huynh, hòm thư góp ý hoặc thông qua giáo viên đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kì rà soát đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên và Quyết định số 3003/QĐ-

UBND ngày 16/10/2023 Quyết định về việc bổ sung thành viên Hội đồng trường Trường THCS xã Núa Ngam nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn tâm lý do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại điều 10 và điều 12 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-01].

Hàng năm nhà trường đều có thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường và báo cáo tổng kết năm học về Phòng GD&ĐT [H1-1.1-02]; [H1-1.2-01].

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác đúng theo quy định của các cấp, góp phần nâng cao chất giáo dục của nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của nhà trường trong các năm học [H1-1.1-02]; [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập đầy đủ các Hội đồng theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học.

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định đồng thời thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chung mang lại hiệu quả tích cực.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường chưa kịp thời trong việc rà soát, đánh giá các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các mặt mạnh của Hội đồng trường theo quy định của ngành và Điều lệ trường trung học cơ sở, kịp thời trong việc rà soát, đánh giá các hoạt động của nhà trường phù hợp với tình hình phát triển chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm các hoạt động được rà soát đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định; Tổ chức Chi đoàn nhà trường có 03 đoàn viên; Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 01 giáo viên tổng phụ trách và 503 đội viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức. Vào đầu năm học đều có xây dựng kế hoạch hoạt động góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm các đoàn thể và các tổ chức xã hội khác được rà soát, đánh giá lại mức độ hiệu quả trong quá trình quản lý chỉ đạo thông qua các báo cáo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Chi bộ đảng hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng, đồng thời thực hiện lãnh đạo các hoạt động của nhà trường theo Nghị quyết của Chi bộ. Nhà trường có 1 Chi bộ với 19 đảng viên]; [H1-1.3-04];]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác đều hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra đóng góp tích cực cho các hoạt động, thành tích chung của nhà trường và địa phương [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Trong 05 năm Từ năm 2020 đến năm 2024, chi bộ đã có 05 năm đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch, vững mạnh” [H1-1.3-08]

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng [H1-1.1-02]; [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03] [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật. Nhiều năm liền Chi bộ đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”. Các đảng viên đều được xếp loại “Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục. Hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh được đánh giá vững mạnh.

3. Điểm yếu

Chi đoàn giáo viên số lượng ít hoạt động hiệu quả chưa nổi bật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các mặt mạnh của các tổ chức và đoàn thể trong trường.

Tổ chức Chi đoàn trong năm học 2025 - 2026 củng cố và tăng cường hoạt động của Chi đoàn giáo viên thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng theo đúng hạng trường và được bổ nhiệm đúng theo quy định, có Quyết định bổ nhiệm của UBND xã Núi Ngam [H1-1.4-01].

Hằng năm nhà trường ban hành quyết định biên chế các tổ chuyên môn, cụ thể: Tổ Khoa học tự nhiên (gồm các giáo viên có chuyên môn: Toán, Sinh học, Hóa, Lí; Tin học); Tổ Khoa học xã hội (gồm các giáo viên có chuyên môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa, Giáo dục công dân); Tổ Hoạt động giáo dục (gồm các giáo viên có chuyên môn Tiếng anh, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tổng phụ trách) và một tổ Văn phòng phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo theo Điều lệ trường trung học. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đủ các kế hoạch, nghị quyết thể hiện hoạt động của tổ theo Điều 14, 15 thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 [H1-1.4-03];

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ trường học [H1-1.4-04];

Hằng năm mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được 02 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. [H1-1.4-05]

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo năm học [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng theo quy định. Ban giám hiệu đạt chuẩn trình độ, có năng lực quản lý.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập đúng quy định. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, tổ chức thực hiện kế hoạch hiệu quả. Hằng năm, mỗi tổ môn xây dựng được 2 chuyên đề nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động của các tổ được định kì rà soát, điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Trong tổ chuyên môn có môn chỉ có 01 giáo viên như môn: Âm nhạc, Mỹ thuật nên gặp nhiều khó khăn cho việc trao đổi, bồi dưỡng chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy vai trò lãnh đạo của Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Ban giám hiệu và các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, triển khai thực hiện khoa học hiệu quả. Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn: giảm các nội dung hành chính, tăng cường các nội dung tháo gỡ khó khăn trong giảng dạy, giáo dục học sinh. Tập trung vào bồi dưỡng đội ngũ về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh. Xây dựng, tổ chức các chuyên đề mang lại hiệu quả cao trong giáo dục.

Tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật học hỏi đồng nghiệp ở các trường bạn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong mỗi lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 lớp. Mỗi lớp ở cấp THCS và THPT có không quá 40 học sinh, lớp tiểu học không quá 35 học sinh. Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đầy đủ 4 khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Hàng năm Ban giám hiệu phân công GVCN phụ trách từng lớp. Số học sinh trong mỗi lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, GVCN chia lớp thành các tổ, mỗi tổ có một tổ trưởng, tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. Thông tin về lớp trưởng, lớp phó, các tổ trưởng cũng như các thành viên các tổ được GVCN ghi chép đầy đủ trong sổ chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

Năm học 2025 - 2026 Nhà trường có 12 lớp, trong đó: khối 6 có 03 lớp, khối 7 có 03 lớp, khối 8 có 03 lớp, khối 9 có 03 lớp và số học sinh mỗi lớp đúng theo quy định (trung bình 41,9 học sinh/lớp) được thể hiện đầy đủ trong sổ theo dõi và đánh giá học sinh hằng năm [H1-1.1-02]; [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học. học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản dân chủ. Mỗi lớp có sĩ số học sinh từ 41 đến 43 đảm bảo đúng theo Điều lệ trường trung học

cơ sở (không quá 45 học sinh). Giáo viên chủ nhiệm có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, luôn quan tâm đến học sinh.

3. Điểm yếu

Một số cá nhân trong ban cán sự lớp (hội đồng tự quản) ở một số lớp chưa đồng đều, chưa mạnh dạn, năng lực quản lý lớp còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các lớp xây dựng và triển khai kế hoạch chủ nhiệm bám sát với chỉ tiêu của nhà trường và thực tế lớp chủ nhiệm. Xây dựng các biện pháp giáo dục học sinh đạt hiệu quả cao.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường giám sát, định hướng cụ thể, phân công nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm phát huy tối đa năng lực của đội ngũ hội đồng tự quản, cán sự lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và CSVC; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn lực tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua nhà trường luôn có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và của ngành để đáp ứng cho công tác giáo dục. Hồ sơ được lưu trữ tại trường, công tác lưu trữ hồ sơ tương đối đảm bảo và khoa học theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.6-01].

Hàng năm, Ban giám hiệu, kế toán đã lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai trước Hội đồng và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích, đạt hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02].

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường bằng hệ thống phần mềm MiSa, Gmail, Hồ sơ công việc... [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định. Các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ và khoa học.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Hàng năm có báo cáo quyết toán, thống kê tài chính. Báo cáo công khai tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế.

Sử dụng các phần mềm quản lý giáo viên, quản lý tài chính. Khai thác hiệu quả phần mềm quản lý tài sản, quản lý thiết bị.

Qua kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền nhà trường không vi phạm trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Nhà trường có kế hoạch kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân để tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Hàng năm đều kêu gọi được nhiều cá nhân, tổ chức, nhà hảo tâm quyên góp ủng hộ quần áo, sách vở, xe đạp, học bổng cho các em học sinh.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác quản lý hành chính. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường, thực hiện thu chi đúng quy định. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết. Công khai tài chính theo định kỳ.

Rà soát tài sản của nhà trường theo qui định một năm 2 lần, kịp thời tham mưu với các cấp có thẩm quyền đầu tư CSVC, bổ sung thiết bị hư hỏng, còn thiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Kết quả bồi dưỡng thường xuyên của CBQL, giáo viên được thể hiện theo đường dẫn <https://taphuan.csdl.edu.vn> [H1-1.7-01].

Hằng năm nhà trường có sự phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.7-02].

Nhà trường luôn quan tâm đảm bảo các quyền theo quy định của nhà nước cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.1-02]; [H1-1.6-07]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

Hằng năm nhà trường có biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường với các hình thức như giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi... đạt được thành tích tương đối cao [H1-1.1-02]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể phù hợp với năng lực, sở trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Ban giám hiệu tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và chưa phát huy hết năng lực, sở trường vào công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục từ năm học 2025-2026 nhà trường sẽ phát huy điểm mạnh, thực hiện tốt hơn nữa công tác thi đua khen thưởng đối với các cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường, tổ chức quy hoạch giáo viên để khuyến khích, động viên tinh thần cho mỗi cán bộ giáo viên, công nhân viên.

Thực hiện bồi dưỡng cho các giáo viên còn hạn chế về chuyên môn trở thành giáo viên vững vàng hơn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường lập tờ trình lên cấp trên để nhân viên thiết bị thư viện được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thể hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, điều kiện thực tế tại nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đủ 35 tuần trong các năm (2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026) [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời [H1-1.1-06]; [H1-1.8-02].

Nhà trường đã có biện pháp chỉ đạo kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác một cách công khai dân chủ, thường xuyên. Phòng Văn hóa - Xã hội xã kiểm tra nhiệm vụ đầu năm, cuối mỗi năm học, kiểm tra đột xuất các hoạt động giáo dục của nhà trường có đánh giá các hoạt động đạt hiệu quả [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.8-05].

- Quản lý hoạt động dạy 2 buổi/ngày trong nhà trường theo văn bản số 4567/BGDĐT-GDPT, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026, Công văn số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn một số nội dung về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ; hồ sơ dạy học 2 buổi/ngày được phê duyệt góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho học sinh. Định kì nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, thực tế địa phương và điều kiện nhà trường; Kế hoạch giáo dục được thể hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy 2 buổi/ngày trong nhà trường theo quy định.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức của các buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp chưa được phong phú.

Tỷ lệ học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch các hoạt động giáo dục. Xây dựng và thực hiện các giải pháp quản lý các hoạt động giáo dục. Tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường.

Xây dựng kế hoạch đa dạng hóa các hình thức tổ chức của các buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, quy trách nhiệm, giao chỉ tiêu cho từng giáo viên để nâng cao chất lượng mũi nhọn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ đúng pháp luật;

c) Hàng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, đặc biệt được tập trung trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, các cuộc họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-03]; [H1-1.3-01]; [H1-1.7-04]; [H1-1.9-01].

Hàng năm, các ý kiến phản ánh, các kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh đều được giải trình thỏa đáng, kịp thời, do đó nhà trường không có khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường. Hàng năm, đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.1-02]; [H1-1.3-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.7-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Hàng năm, nhà trường không có đơn khiếu nại, tố cáo. Các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, CMHS thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ đúng pháp luật.

Hàng năm, nhà trường thực hiện tốt công tác báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế làm việc của nhà trường ở một số giáo viên còn chưa chủ động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao trách nhiệm của Hiệu trưởng trong thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, ban hành quy chế dân chủ tại cơ quan hàng năm có sự tham gia, thảo luận, đóng góp ý kiến của CB, GV, NV trên cơ sở quy định của pháp luật.

Hiệu trưởng thực hiện nghiêm túc công khai theo mục 3 điều 8 Thông tư 09/2024 TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy chế thực

hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng tại nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chủ động, trách nhiệm trong việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy quy định, quy chế làm việc của nhà trường. Phát huy vai trò giám sát của chi bộ Đảng. Đa dạng hóa các hình thức đóng góp ý kiến của cán bộ công chức, viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

Nhà trường có cung cấp số điện thoại cố định của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân và học sinh đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-03].

Hàng năm trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an

toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; có hòm thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Nhân viên y tế nhà trường được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức phòng chống dịch bệnh.

3. Điểm yếu

Nhận thức của một số học sinh về đảm bảo an toàn phòng chống thương tích cho bản thân chưa cao, còn coi nhẹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với các ban ngành để tiếp tục làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ; đảm bảo tốt an toàn cho học sinh và cho cán bộ, GV, NV trong nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên đoàn đội xây dựng kế hoạch, tổ chức các chuyên đề hoạt động ngoài giờ cho học sinh về phòng chống thiên tai và tệ nạn xã hội.

Phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Điện Biên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập tập các tình huống giả định về phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, thiên tai.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

1. Điểm mạnh

Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng đóng góp ý kiến xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và định hướng đến năm 2035 phù hợp với mục tiêu giáo dục được

quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Được công khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường sát với tình hình thực tế.

Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo đúng quy định. Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Hoạt động của các hội đồng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Kết quả chất lượng 2 mặt giáo dục của nhà trường được nâng lên rõ rệt qua các năm.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức khác như: Đoàn TNCS, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ... được thành lập và hoạt động theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ. Có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục. Chi bộ Đảng nhiều năm liền là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng bộ xã Núi Ngam công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh.

Nhà trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Ban giám hiệu đạt chuẩn trình độ, có năng lực quản lý.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập đúng quy định. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, tổ chức thực hiện kế hoạch hiệu quả. Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn xây dựng được 2 chuyên đề nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động của các tổ được định kì rà soát, điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học. học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản dân chủ. Mỗi lớp có sĩ số học sinh từ 40 đến 43 đảm bảo đúng theo Điều lệ trường THCS (không quá 45 học sinh). Giáo viên chủ nhiệm có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, luôn quan tâm đến học sinh.

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định. Các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ và khá khoa học.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Hằng năm có báo cáo quyết toán, thống kê tài chính. Báo cáo công khai tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế.

Sử dụng các phần mềm quản lý giáo viên, quản lý tài chính. Khai thác hiệu quả phần mềm quản lý tài sản, quản lý thiết bị.

Qua kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền, nhà trường không vi phạm trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền theo quy định.

Nhà trường có các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế nhà trường và địa phương; kế hoạch giáo dục được thể hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy 2 buổi/ngày trong nhà trường theo quy định.

Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, CMHS thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ đúng pháp luật.

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt công tác báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả.

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; có hòm thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống bệnh dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

2. Điểm yếu

Việc tham gia ý kiến đóng góp của CMHS, cộng đồng để xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn ít.

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ngày càng mỏng về lực lượng nên nội dung và chất lượng hoạt động còn hạn chế.

Đối với các môn học: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học chỉ có 01 giáo viên nên gặp nhiều khó khăn cho việc trao đổi, bồi dưỡng chuyên môn.

Năng lực quản lý của một số cá nhân trong ban cán sự lớp (hội đồng tự quản) ở một số lớp chưa đồng đều.

Hình thức tổ chức của các buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp chưa được phong phú.

Ý kiến tham gia đóng góp của một số viên chức còn ít, chưa sát nhiệm vụ được phân công.

3. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 10/10

Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 10/10

Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 5/5

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Trường THCS Núa Ngam có đầy đủ cơ cấu tổ chức về cán bộ, giáo viên, nhân viên theo Điều lệ trường trung học.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 03 đồng chí được bổ nhiệm theo quy định, 01 đồng chí có trình độ thạc sĩ (Hiệu trưởng), 02 đồng chí Phó hiệu trưởng có trình độ đại học, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ, tâm huyết với nghề, được học sinh tin yêu, quý mến. Đội ngũ nhân viên được đào tạo, tập huấn theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ và có trách nhiệm cao trong công việc. Học sinh đi học đúng độ tuổi, phần lớn các em chăm ngoan, có ý thức trong học tập và rèn luyện đạo đức.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều 11, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT):

Hiệu trưởng có trình độ đào tạo thạc sĩ, Phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo đại học; Hiệu trưởng có thời gian công tác 14 năm trước khi bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng và 17 năm trước khi bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng, được điều động về giữ chức vụ Hiệu trưởng nhà trường từ 01/06/2020. Phó hiệu trưởng Trần Thị Tươi có thời gian công tác 13 năm trước khi bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng nhà trường từ 15/3/2015, Phó Hiệu trưởng Nguyễn Hồng Diễm có thời gian công tác 22 năm trước khi bổ nhiệm từ 06/3/2025 [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Trong 04 năm liên tiếp từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên (trong đó, năm học 2022-2023, 2024-2025 Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn ở mức tốt, năm học 2024-2025 Phó Hiệu trưởng Nguyễn Hồng Diễm được đánh giá ở mức độ tốt) [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị theo quy định; thực hiện tốt

công tác quản lý, chỉ đạo; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá, khen thưởng [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định, tâm huyết với nghề nghiệp, có tư duy đổi mới, sáng tạo. Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại chuẩn từ khá trở lên theo quy định. Hiệu trưởng là cốt cán chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng cần phát huy hơn nữa tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Lãnh đạo nhà trường tích cực giao lưu học hỏi kinh nghiệm, học tập nâng cao trình độ, năng lực quản lý; phấn đấu tăng số năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

Thời gian thực hiện: Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên thực hiện quy định tại Điều 7, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập đảm bảo thực hiện tốt chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; bám sát nội dung chương trình của Bộ GD&ĐT, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập [H1-1.7-02].

Trong 5 năm từ năm học 2020-2021 đến năm học 2025-2026, 100% giáo viên nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo [H1-1.1-02]; [H2-2.2-01].

Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, 100% giáo viên nhà trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên, trong đó trên 90% ở mức khá, tốt (mức tốt đạt trên 30%) theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông. Năm học 2024-2025, 100% giáo viên có kết quả xếp chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên (trong đó có 8/23 giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, đạt 34,8%) [H2-2.2-02].

Giáo viên nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo chỉ đạo của ngành có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, 9 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên (cấp tỉnh 3 giáo viên; cấp huyện 8 giáo viên); có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh; không có giáo viên nào bị kỷ luật [H1-1.1-02]; [H1-1.2-02]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H2-2.2-04].

Hàng năm, giáo viên nhà trường đều tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, báo cáo đổi mới. Trong 05 năm qua, có 20 sáng kiến kinh nghiệm được cấp có thẩm quyền công nhận [H1-1.2-02]; [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định; đội ngũ giáo viên nhà trường có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, trong đó tỷ lệ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên chiếm trên 90% (tốt chiếm khoảng 30% và duy trì ổn định qua các năm).

Có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Một số giáo viên làm cốt cán chuyên môn của Sở góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Trong một tổ, có nhiều giáo viên có chuyên ngành đào tạo khác nhau cùng sinh hoạt, số lượng giáo viên ở một số môn ít nên đôi khi gặp khó khăn trong việc trao đổi chuyên sâu về chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của đội ngũ giáo viên trong nhà trường. Tổ chức tốt các chuyên đề, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng để trao đổi, học hỏi đồng nghiệp trong trường, các đơn vị trường học khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào viết đề tài sáng kiến và biện pháp đổi mới để nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 5 nhân viên (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thư viện và thiết bị), đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT) [H2-2.3-01].

Nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Nhân viên kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính - kế toán, thanh quyết toán theo quy định, đảm bảo hồ sơ, chứng từ sổ sách và các báo cáo thống kê kế toán - tài chính. Nhân viên phục vụ kiêm văn thư – thủ quỹ nhận và gửi các công văn. Nhân viên y tế tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác y tế học đường. Nhân viên thư viện, thiết bị quản lý, hỗ trợ xây dựng kế hoạch sử dụng đồ dùng, thiết bị trong nhà trường [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ Đại học, nhân viên y tế, văn thư - thủ quỹ có trình độ trung cấp. Nhân viên thiết bị thí nghiệm được bồi dưỡng đáp ứng vị trí việc làm. Nhân viên bảo vệ được tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành

nhiệm vụ trở lên, không có nhân viên nào bị kỷ luật [H1-1.2-02]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu nhân viên và có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ nhân viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bố trí sử dụng đội ngũ hợp lý để phát huy năng lực, sở trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Tuổi của học sinh nhà trường đảm bảo quy định theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều 33, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT). Học sinh có độ tuổi từ 11-16 tuổi, không có học sinh học vượt lớp trong phạm vi cấp học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Học sinh trong nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đảm bảo quy định theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều 34, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT) [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Học sinh được đảm bảo các quyền quy định theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều 35, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT) và các quy định khác của pháp luật. học sinh bán trú tại trường, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được nhà trường quan tâm giúp đỡ. học sinh có năng khiếu về thể dục thể thao, âm nhạc được bồi dưỡng để phát triển năng khiếu. học sinh có nhu cầu chuyển trường để phù hợp với việc học tập đều được nhà trường đáp ứng tạo điều kiện [H1-1.1-02]; [H1-1.2 -04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H2-2.4-01]; [H2-2.4-03].

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H1-1.2-04]; [H1-1.5-02]; [H2-2.4-01].

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Hằng năm, nhà trường đã thành lập được các đội tuyển tham gia các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh; giao lưu Olympic lớp 6,7,8 cấp trường; cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. Chất lượng học sinh giỏi của nhà trường được duy trì bền vững qua các năm; nhiều năm, nhà trường đứng thứ hai khối các trường THCS vùng ngoài về chất lượng mũi nhọn. Cụ thể:

Năm học 2020-2021, đạt 01 giải ba KHKT, 02 giải khuyến khích sáng tạo thanh thiếu niên cấp huyện, đạt 30 lượt học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

Năm học 2021-2022, đạt 01 giải A và 01 giải khuyến khích sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện, 01 giải ba KHKT cấp huyện, 26 lượt học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh.

Năm học 2022-2023 có 28 lượt học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện; thi nghiên cứu KHKT đạt giải ba cấp huyện, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 01 giải C cấp huyện.

Năm học 2023-2024 có 34 lượt học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện; thi nghiên cứu KHKT đạt giải tư cấp huyện, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 01 giải C cấp huyện.

Năm học 2024-2025 có 35 lượt học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện; thi nghiên cứu KHKT đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì cấp huyện, 01 giải ba cấp tỉnh, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 01 giải B cấp huyện.

Chất lượng các mặt giáo dục: 100% học sinh xếp loại phẩm chất từ đạt trở lên trong đó: tốt 81,9%, Khá 17,1%. Về năng lực: Tốt 10,3%; Khá 37,6%, Đạt 51,3, Chưa đạt 0,8%. Giáo dục thể chất, thẩm mỹ 100% đạt yêu cầu. Tỷ lệ chuyển lớp thẳng đạt 99% trở lên; tốt nghiệp THCS đạt 100%. Tham gia nhiệt tình sôi nổi Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện (năm học 2020-2021, tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh đạt 11 giải trong đó có 5 giải nhất ba giải nhì, ba giải ba, năm học 2023-2024 đạt 4 giải nhất, 4 giải nhì, 14 giải ba cấp huyện; đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cấp tỉnh, năm học 2024-2025 tham gia giao lưu thể thao cấp huyện đạt 01 giải nhất, 03 giải nhì, 04 giải ba. Cấp tỉnh có 04 học sinh tham gia đạt giải nhất bóng chuyền nữ, 03 học sinh đạt giải ba môn bóng chuyền nam: [H1-1.1-02]; [H1-1.2-06]; [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

học sinh của trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định, thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định.

học sinh được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích, phát huy tính năng động, sáng tạo, tự tin, đảm bảo học sinh được phát triển toàn diện; có nhiều học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu

Chất lượng giải học sinh giỏi đạt được các kỳ thi, giao lưu chưa bền vững.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục thông qua các tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn để tuyên truyền, phổ biến giáo dục, nâng cao hơn nữa nhận thức học sinh về nhiệm vụ, quy định về các hành vi học sinh không được làm để các em hiểu và thực hiện. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh từ lớp đầu cấp để tạo nguồn và thành lập đội tuyển, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục để nâng cao chất lượng, số lượng học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện: Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

1. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường có số năm giảng dạy đảm bảo theo quy định, tâm huyết với nghề nghiệp, có tư duy đổi mới, sáng tạo. Hằng năm đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn, được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lí luận chính trị.

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định, 100% giáo viên đều đạt trình độ đạt chuẩn. Giáo viên tích cực học tập và nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên phụ trách công tác Đoàn, Đội và làm công tác tư vấn cho học sinh có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, tâm huyết trong công việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỉ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 100%, trong đó giáo viên giỏi cấp huyện đạt 34,8% trở lên, giáo viên giỏi cấp tỉnh đạt 13%, giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm sát sao tới từng học sinh và kịp thời chấn chỉnh những vi phạm của học sinh.

Nhân viên nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nâng cao trình độ đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định, được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích, phát huy tính năng động, sáng tạo, tự tin, đảm bảo học sinh được phát triển toàn diện. Nhiều học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm yếu

Trong một tổ, có nhiều giáo viên có chuyên ngành đào tạo khác nhau cùng sinh hoạt, số lượng giáo viên ở một số môn ít nên đôi khi gặp khó khăn trong việc trao đổi chuyên sâu về chuyên môn.

Chất lượng giải học sinh giỏi đạt được các kỳ thi, giao lưu chưa bền vững.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt Mức 3

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 4/4

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 4/4

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 4/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất có vai trò quan trọng góp phần thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của nhà nước, sự huy động kinh phí từ công tác xã hội hóa, cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng các yêu cầu: kiên cố hóa, chuẩn hóa. Khuôn viên trường lớp, sân chơi, khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch và các phòng học, phòng chức năng, thư viện và các thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu về diện tích, đủ về số lượng các thiết bị cần thiết để duy trì và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh.

Tiêu chí 3.1. Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt với tổng diện tích là $12.299,9m^2$, bình quân $25,36m^2$ /học sinh; có biển trường, cổng trường hệ thống tường rào đảm bảo để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01].

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích $3.200m^2$, diện tích sân chơi bằng 26,1% diện tích của nhà trường đảm bảo đủ cho học sinh vui chơi và thực hiện các hoạt động tập thể ngoài giờ đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định; có nhà đa năng phục vụ cho hoạt động sinh hoạt tập thể và luyện tập thể thao của cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khu sân chơi có trang thiết bị tối thiểu để luyện tập thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.2-02]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1 Tờ bản đồ số 44-2022 số DI308779 số vào sổ cấp GCN: CT01735 ngày 24/2/2023 do giám đốc Sở TN&MT tỉnh Điện Biên Vũ Ngọc Vương ký.

Nhà trường có diện tích đảm bảo, có khuôn viên riêng biệt, có biển trường, cổng trường, có hệ thống tường bao quanh đảm bảo an toàn, Khuôn viên nhà trường luôn xanh – sạch – đẹp. Hằng năm, trường được công nhận là trường xanh – sạch – đẹp, an toàn.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích đảm bảo đủ cho học sinh vui chơi và thực hiện các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ học.

Nhà trường có trang thiết bị để luyện tập thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, các trang thiết bị được bổ sung hàng năm.

3. Điểm yếu:

Trang thiết bị phục vụ luyện tập thể dục, thể thao còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu với chính quyền xã Núa Ngam để nâng cấp, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ luyện tập thể dục, thể thao của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 12 phòng học được xây dựng kiên cố, đảm bảo 01 lớp/01 phòng tổ chức dạy 01 ca/ngày. Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của GV, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03].

Trường có 07 phòng học bộ môn (01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng bộ môn KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng bộ môn KHXX) theo quy định. Được trang bị nội thất đồng bộ, được trang bị bàn ghế chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng môn học; có hệ thống điện, nước theo yêu cầu sử dụng. Trang thiết bị dạy học trong phòng bộ môn đảm bảo theo quy định tại danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm, trường tiến hành rà soát, đánh giá và có kiểm kê tài sản, CSVC trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn - phòng tư vấn tâm lý với diện tích 18m², bố trí tại tầng 1, vị trí thuận lợi cho quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thư viện có diện tích 108 m² gồm 01 phòng đọc cho học sinh, 01 phòng đọc cho giáo viên

và 01 phòng sách- thiết bị) [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học theo quy định, trang thiết bị trong các phòng học như: bàn ghế đảm bảo đúng quy cách, an toàn phòng tránh các bệnh học đường cho học sinh, tạo tâm thế học tập tốt nhất cho học sinh, bảng đen, hệ thống chiếu sáng, hệ thống quạt đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn được xây dựng đúng quy cách, trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy.

Có đủ phòng hoạt động đội, phòng thư viện, phòng truyền thống lưu giữ các tư liệu truyền thống của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số trang thiết bị dạy học được trang cấp từ lâu, đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với phòng Văn hóa - Xã hội, UBND xã Núa Ngam hằng năm có kế hoạch sửa chữa, thay thế các trang thiết bị còn thiếu hoặc bị hỏng để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường công tác bảo quản và sử dụng hiệu quả các phòng học, phòng bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 3.3 Khối hành chính- quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 05 phòng hành chính quản trị gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng - phòng truyền thống, 01 phòng bảo vệ; khối phụ trợ có 6 phòng : 03 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng y tế, 02 nhà kho [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02.]

Nhà trường có 01 khu gồm: 01 bếp ăn, 16 phòng bán trú học sinh, 08 phòng công vụ giáo viên, 01 lán xe GV, 01 lán xe HS [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Khối các phòng hành chính quản trị có đầy đủ trang thiết bị máy tính, máy in có kết nối Internet phục vụ công việc của giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, rà soát, tu sửa, xây dựng khối hành chính - quản trị theo quyết định của Hiệu trưởng để đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục. [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Có đủ khối phòng phục vụ học tập và phòng hành chính quản trị theo quy định. Có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Khu nhà xe được xây dựng đầy đủ riêng biệt cho giáo viên và học sinh, được bố trí khoa học, đảm bảo an toàn.

Các khối phòng hành chính quản trị trang thiết bị nhà trường được tiến hành kiểm kê, rà soát, tu sửa, xây dựng hàng năm đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khu bếp ăn đảm bảo an toàn, vệ sinh, có đủ phòng ở cho học sinh bán trú đảm bảo an toàn, sạch sẽ.

3. Điểm yếu:

Một số trang thiết bị đã xuống cấp cần được thay thế, bổ sung để hoạt động hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với phòng Văn hóa - Xã hội và UBND xã Núa Ngam đầu tư, trang cấp thêm cho khối phòng hành chính- quản trị.

Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo tiếp tục phát huy hiệu quả sử dụng các trang thiết bị hiện có. Làm tốt công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để sửa chữa, nâng cấp các phòng công vụ cho giáo viên, phòng nội trú cho học sinh, mua sắm thay thế các thiết bị đã hỏng và lỗi thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 01 khu vệ sinh giáo viên, 02 khu vực vệ sinh học sinh, 01 khu nhà tắm giáo viên, 01 khu nhà tắm học sinh.

Các nhà vệ sinh, nhà tắm được xây dựng dành cho nam, nữ riêng và bố trí phù hợp, thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sử dụng, đảm bảo hợp vệ sinh, an toàn, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.4-01].

Nhà trường có 03 giếng khoan, 01 giếng đào. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch phục vụ đủ nhu cầu sinh hoạt cho giáo

viên, nhân viên và học sinh đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-02].

Nhà trường có khu vực thu gom rác và xử lý rác thải đảm bảo khuôn viên trường luôn sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường. Có dụng cụ phân loại rác hữu cơ và vô cơ, khu xử rác thải được bố trí cách biệt với khu trường học đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống công trình vệ sinh dành cho nam và nữ riêng. Vị trí các công trình vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo, an toàn, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập và sạch sẽ không gây ô nhiễm môi trường.

Có nguồn nước đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nước uống đạt tiêu chuẩn theo quy định của ngành y tế.

Việc thu gom và xử lý rác đảm bảo môi trường trường xuyên sạch sẽ, không bị ô nhiễm.

3. Điểm yếu

Một số trang thiết bị phục vụ cho công trình vệ sinh đã xuống cấp và cần phải sửa chữa, thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 tiếp tục sử dụng có hiệu quả các công trình hiện có tham mưu Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND xã nâng cấp, sửa chữa, xây dựng bổ sung thêm một số hạng mục phục vụ cho công tác vệ sinh trong nhà trường.

Tuyên truyền cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường giữ gìn vệ sinh chung, bảo quản và sử dụng cơ sở, trang thiết bị hiện có để đảm bảo nhà trường luôn có môi trường xanh - sạch - đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ trang thiết bị thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính gồm 42 máy tính phục vụ cho

công tác quản lý, giảng dạy, 100% máy tính được kết nối internet đảm bảo tạo môi liên kết công việc giữa Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và đảm bảo cho 100% học sinh được học môn Tin học hiệu quả [H3-3.5-01]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Trường có 4 bộ thiết bị dạy học, số thiết bị trên đã đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Phòng trào làm đồ dùng dạy học tự làm được đẩy mạnh cùng với các thiết bị được trang cấp đã khai thác, sử dụng có hiệu quả đã đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-02].

Hàng năm Ban giám hiệu và các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị, tiến hành kiểm kê, rà soát và sửa chữa, đề nghị mua sắm bổ sung các trang thiết bị để phục vụ cho quá trình dạy và học [H1-1.6-03]; [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa. Có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định; Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Thiết bị đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn ít.

Một số thiết bị được cấp từ các năm trước đã xuống cấp, các thiết bị dạy học chưa đồng bộ với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu kịp thời với phòng Văn hóa - Xã hội và UBND xã Núi Ngang bổ sung thêm trang thiết bị đồ dùng dạy học.

Thực hiện tốt công tác kiểm kê thiết bị, đồ dùng dạy học ở cuối mỗi kì học, năm học để nắm bắt số lượng cần bổ sung, sửa chữa. Lập tờ trình xin cấp bổ sung các trang thiết bị còn thiếu cho các phòng học bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường có tổng diện tích 108m² trong đó phòng đọc của học sinh là 54m² với 32 chỗ ngồi, phòng đọc giáo viên là 36m² với 25 chỗ ngồi, phòng đồ dùng thiết bị là 18 m².

Nhà trường có số đầu sách đảm bảo 1,5 đầu sách/học sinh, trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hằng năm, nhà trường phát động phong trào mỗi cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh trong trường quyên góp sách, truyện, thơ hoặc sách pháp luật làm phong phú hơn nguồn sách cho thư viện [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, bổ sung các danh mục, các loại sách báo, sách tham khảo để phục vụ cho hoạt động dạy và học của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.6-03].

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Thư viện có diện tích 108m², có đủ chỗ đọc cho giáo viên, học sinh theo quy định. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Kinh phí đầu tư mua sách, báo, tạp chí còn hạn chế. Số tư liệu bổ sung cho thư viện hằng năm chưa nhiều, chưa phong phú. Công tác thư viện do giáo viên kiêm nhiệm thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm nhà trường chỉ đạo làm tốt công tác kiểm kê sách, báo, tạp chí và các tài liệu phục vụ cho công tác dạy và học. Xây dựng Kế hoạch bổ sung các tài liệu còn thiếu.

Tiếp tục phát động phong trào quyên góp ủng hộ các loại sách, báo, sách tham khảo cho thư viện nhà trường.

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục trong nhà trường; tạo điều kiện để giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 3

1. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đảm bảo, có khuôn viên riêng biệt, có biên trường, cổng trường, có hệ thống tường bao quanh đảm bảo an toàn, Khuôn viên nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp. Hằng năm, trường được công nhận là trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích đảm bảo đủ cho học sinh vui chơi và thực hiện các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ học.

Có đủ trang thiết bị để luyện tập thể dục, thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, các trang thiết bị được bổ sung hàng năm.

Có đủ khối phòng học, phòng học bộ môn, khối phòng quản trị theo quy định, trang thiết bị trong các phòng như: bàn ghế, bảng đen, hệ thống chiếu sáng, hệ thống quạt đảm bảo đúng quy cách, an toàn phòng tránh các bệnh học đường cho học sinh đảm bảo theo quy định.

Có đủ phòng hoạt động Đoàn, công tác đội, phòng thư viện, phòng truyền thống lưu giữ các tư liệu truyền thống của nhà trường.

Có đủ khối phòng phục vụ học tập và phòng hành chính quản trị theo quy định. Có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Khu nhà xe được xây dựng đầy đủ riêng biệt cho giáo viên và học sinh, được bố trí khoa học, đảm bảo an toàn.

Các khối phòng hành chính quản trị trang thiết bị nhà trường được tiến hành kiểm kê, rà soát, tu sửa, xây dựng hàng năm đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khu bếp ăn đảm bảo an toàn, vệ sinh, có đủ phòng ở cho học sinh bán trú đảm bảo an toàn, sạch sẽ.

Hệ thống công trình vệ sinh dành cho nam và nữ riêng. Vị trí các công trình vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo, an toàn, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập và sạch sẽ không gây ô nhiễm môi trường.

Có nguồn nước đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nước uống đạt tiêu chuẩn theo quy định của ngành y tế.

Việc thu gom và xử lý rác đảm bảo môi trường thường xuyên sạch sẽ, không bị ô nhiễm.

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định; Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng

giáo dục của nhà trường.

Thư viện của nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Thư viện có diện tích 108m², có đủ chỗ đọc cho giáo viên, học sinh theo quy định. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm yếu

Trang thiết bị phục vụ luyện tập thể dục, thể thao còn ít.

Các trang thiết bị dạy học được trang cấp từ lâu, đã xuống cấp.

Thiết bị đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn ít.

Một số trang thiết bị phục vụ cho công trình vệ sinh đã xuống cấp và cần phải sửa chữa, thay thế, các thiết bị dạy học chưa đồng bộ với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kinh phí đầu tư mua sách, báo, tạp chí còn hạn chế. Số tư liệu bổ sung cho thư viện hằng năm chưa nhiều, chưa phong phú. Công tác thư viện do giáo viên kiêm nhiệm thực hiện.

Kết quả tự đánh giá: Đạt Mức 3

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 6/6

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 6/6

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 5/5

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Để làm tốt công tác giáo dục, nhà trường rất quan tâm xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS từ nhiều năm nay đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường nhất là trong việc phối hợp giáo dục học sinh, hỗ trợ CSVC phục vụ cho dạy học, động viên khuyến khích học sinh có thành tích, học sinh khó khăn vươn lên trong học tập. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển, đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích của nhà trường trong những năm học qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Ban đại diện CMHS được thành lập theo tín nhiệm của CMHS toàn trường vào đầu mỗi năm học theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT, Điều 44 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 [H4-4.1-01].

Ban đại diện CMHS trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học cụ thể và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch đề ra, hoạt động đúng tiến độ. Hoạt động của Ban đại diện CMHS đảm bảo tính dân chủ cao, thực hiện công khai, minh bạch. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục khác cho học sinh như: Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. Nhờ có sự phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện CMHS nên chất lượng 2 mặt giáo dục và các hoạt động thi đua của nhà trường hàng năm tăng lên rõ rệt, góp phần xây dựng nhà trường ngày một vững mạnh [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của trường đã được thành lập theo quy định, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể trong từng năm học, tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền của Ban đại diện CMHS. Trong quá trình thực hiện, nhà trường luôn phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS hoạt động có hiệu quả.

Ban đại diện CMHS đã chủ động, tích cực phối hợp với nhà trường và các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong việc quản lý, động viên học sinh tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy nhà trường; khen thưởng, biểu dương học sinh có thành tích trong các hoạt động và hỗ trợ học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Kết quả hoạt động của Ban đại diện CMHS đã góp phần nâng cao chất lượng công tác xã hội hóa giáo dục và chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa chủ động, mạnh dạn trong việc đề xuất các ý kiến trước cuộc họp.

Một số CMHS còn ít quan tâm đến việc học tập của các con, chưa phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong quá trình giáo dục con em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm của Ban đại diện CMHS trường, lớp đối với sự phát triển của nhà trường, học sinh.

Tăng cường hơn nữa sự phối kết hợp giữa CMHS với giáo viên chủ nhiệm lớp và với nhà trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới CMHS về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của ngành Giáo dục và vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường đã tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác giáo dục; trong quá trình thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi của cấp ủy Đảng, chính quyền cùng các đơn vị đóng chân trên địa bàn xã Núi Ngăm [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01].

Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, các buổi lễ, mít tinh trong năm học, các buổi giao ban trên địa bàn xã, các tin bài đăng tải trên website). Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.3-04]; [H4-4.1-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường, động viên khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.2-02]; [H4-4.1-05]; [H4-4.2-03].

Ban giám hiệu và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh như rèn kỹ năng sống, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thăm hỏi động viên gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng [H1-1.10-02]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05].

Nhà trường đã tích cực chủ động tham mưu có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan: Trạm y tế xã, Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Điện Biên, Công an xã Núa Ngam cùng tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường để xây dựng một trường học an toàn, lành mạnh. Trong nhiều năm qua, nhà trường không có học sinh vi phạm luật an toàn giao thông, tệ nạn xã hội. Đơn vị trường thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường đã được các cấp có thẩm quyền công nhận là đơn vị đạt danh hiệu đơn vị văn hóa [H1-1.1-02]; [H1-1.10-02]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh huy động và sử dụng có hiệu quả để hỗ trợ học sinh và phát triển nhà trường. Trong nhiều năm qua, trường không có cán bộ, giáo viên, học sinh mắc các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường và được UBND huyện công nhận trường học đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu

Trên địa bàn phụ trách còn nhiều thôn, bản đặc biệt khó khăn nên việc huy động nguồn lực từ nhân dân để đóng góp hỗ trợ xây dựng CSVC, đầu tư tăng thêm thiết bị dạy học cho nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã đạt được; tăng cường huy động ý kiến đóng góp của các Chính quyền, đoàn thể, và cộng đồng trong việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường phù hợp với tình hình địa phương.

Tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền; phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân, CMHS trong công tác xã hội hóa giáo dục, huy động tốt các nguồn lực để phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 4

1. Điểm mạnh

Nhà trường thành lập Ban đại diện CMHS theo đúng quy định, có đầy đủ hồ sơ lưu hằng năm, hoạt động hiệu quả, trong việc kết hợp duy trì sĩ số học sinh, giáo dục đạo đức, xây dựng CSVN, đặc biệt trong công tác khuyến học, khuyến tài, phổ cập; kết quả hoạt động của Ban đại diện CMHS đã có tác dụng tích cực đối với việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, UBND xã Núi Ngăm, Huyện Muông về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của hai xã tạo ra sự đồng thuận để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; công tác tuyên truyền giáo dục học sinh có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống uống nước nhớ nguồn, giáo dục kỹ năng sống cho các em được thực hiện có hiệu quả.

2. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa chủ động, mạnh dạn trong việc đề xuất các ý kiến trước cuộc họp.

Một số CMHS còn ít quan tâm đến việc học tập của các con, chưa phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong quá trình giáo dục con em.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt Mức 3

Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 2/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Trong những năm học qua công tác dạy và học, hoạt động giáo dục nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương nghiêm túc, có kế hoạch chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo giúp đỡ học sinh học lực yếu, kém để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh; giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Giáo dục học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường. Kết quả xếp loại rèn luyện và học tập của học sinh hằng năm đảm bảo quy định về chất lượng trường THCS chuẩn Quốc gia, đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng làm việc và vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đa dạng và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm rà soát, phân tích đánh giá hiệu quả và tác động của biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần. Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Chương trình giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp tình hình thực tế [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Đội ngũ giáo viên vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học

sinh và điều kiện nhà trường. Hằng năm, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như: dự giờ thăm lớp, tham gia chuyên đề cấp trường, cụm, huyện, thi giáo viên giỏi cấp trường, huyện, tỉnh. Ngoài ra, giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, phương pháp phục vụ cho công tác giảng dạy [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

Các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan, hiệu quả [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.5-03].

Tổ chức thành lập các đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa, học sinh năng khiếu văn nghệ, thể thao được bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch của nhà trường. Tăng cường công tác phụ đạo đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-04]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-04].

Hằng năm, nhà trường đều rà soát, phân tích, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tháng đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của GV và học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục; vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng làm việc và vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của học sinh; Phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Hằng năm thực hiện rà soát, phân tích đánh giá hiệu quả và tác động của biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu

Việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh theo Chương trình GDPT 2018 ở một số giáo viên còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, chất lượng học tập của học sinh và điều chỉnh kịp thời;

Giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch dạy học, linh hoạt, chủ động trong việc thực hiện chương trình nâng cao chất lượng giáo dục.

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phân công giáo viên cốt cán, có năng lực chuyên môn giúp đỡ các giáo viên còn hạn chế về chuyên môn. Tăng cường vận dụng đổi mới phương pháp dạy học cũng như trong kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, AI và các kĩ thuật dạy học.

Giáo viên ôn luyện học sinh giỏi tăng cường việc tự học, tự bồi dưỡng hướng dẫn học sinh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được các cấp có thẩm quyền công nhận.

1. Mô tả thực trạng

Hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm phát hiện học sinh năng khiếu; rà soát HS có hoàn cảnh khó khăn, để xây dựng kế hoạch giáo dục và đưa ra các giải pháp cho phù hợp [H1-1.4-04]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Nhà trường tổ chức các hình thức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H1-1.4-04]; [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.2-04].

Sau mỗi học kỳ, nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá tình hình học tập văn hóa của học sinh để cải tiến hoạt động bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Tổ chức rút kinh nghiệm điều chỉnh để có biện pháp khắc phục kịp thời [H1-1.1-02]; [H5-5.1-04]; [H5-5.2-03].

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H5-5.1-04]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-05].

Hằng năm, nhà trường có đội tuyển học sinh năng khiếu về các môn thể thao, nghệ thuật tham gia thi và đạt nhiều giải cao ở cấp huyện, cấp tỉnh [H1-1.1-02]; [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến các đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Kịp thời rà soát các đối tượng học sinh được hưởng các chế độ chính sách. Tổ chức các hoạt động quyên góp, ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phụ đạo học sinh yếu, kém, xây

dựng môi trường học tập thân thiện với học sinh khuyết tật, miễn giảm các khoản thu thỏa thuận cho các đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Học sinh giỏi các cấp tăng lên, học sinh yếu giảm đi. Có chính sách quan tâm khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu; hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Các câu lạc bộ thể thao, văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi nhất để phát triển năng khiếu của học sinh. Học sinh tham gia các cuộc thi thể dục thể thao đạt kết quả cao.

Sau mỗi học kì, nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá để cải tiến các hoạt động trên.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và rèn luyện, số ít học sinh còn gặp khó khăn trong các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chỉ đạo tốt công tác khảo sát phân loại học sinh. Phân công giáo viên giảng dạy hợp lý. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Tổ chức tốt dạy học hiệu quả dạy thêm học thêm, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Kết hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường giúp đỡ được nhiều HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiều hình thức động viên, khích lệ các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện vươn lên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và có hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

các văn bản chỉ đạo của ngành về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.3-01].

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục địa phương theo quy định đảm bảo khách quan, hiệu quả [H1-1.1-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.5-03]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-04].

Trong từng năm học, nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật tài liệu, điều chỉnh một số nội dung trong chương trình giáo dục địa phương cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là địa giới hành chính sau sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp: môn Lịch sử và Địa lí, Nội dung chương trình giáo dục địa phương, môn Ngữ văn và các hoạt động giáo dục khác [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-01].

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn với lý luận thực tiễn, kết hợp dạy học trên lớp với tổ chức tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khoá nhằm tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về văn hoá, lịch sử, kinh tế - xã hội địa phương cho học sinh [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch; phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục địa phương lồng ghép trong các môn học, các hoạt động tập thể.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo công bằng, khách quan theo quy định.

3. Điểm yếu:

Chưa tổ chức được nhiều các buổi tham quan thực tế địa phương do còn hạn chế về kinh phí.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tổ chức đa dạng các loại hình học tập nội dung giáo dục địa phương theo hướng lồng ghép vào các môn học, các giờ ngoại khóa, tham quan, các buổi sinh hoạt tập thể gắn với thực tiễn địa phương.

Tổ chức cho giáo viên và học sinh nghiên cứu, sưu tầm tư liệu làm phong phú thêm tài liệu giáo dục địa phương.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa giáo dục để có thêm kinh phí tổ chức các buổi tham quan thực tế địa phương cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có kế hoạch phân công giáo viên, nhân viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS; định hướng một số ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cho các em học sinh; thực hiện nghiêm túc chương trình hướng nghiệp cho HS theo quy định [H1-1.5-03]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.4-01].

Hàng năm, nhà trường tổ chức đa dạng, phong phú các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh trong các hoạt động ngoại khóa như tổ chức tham quan làng nghề của xã, các di tích lịch sử của tỉnh Điện Biên, giúp các em định hướng được nghề nghiệp phù hợp với điều kiện gia đình và kinh tế - xã hội địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.8-03]; [H5-5.4-01].

Trong quá trình thực hiện, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định [H1-1.1-02]; [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế ở địa phương.

Nhà trường liên kết với các Trung tâm dạy nghề của tỉnh, Trung tâm GDNN-GDTX huyện triển khai giáo dục nghề phổ thông cho HS sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trong quá trình giáo dục hướng nghiệp đã quan tâm tìm hiểu thông tin về nghề địa phương, thị trường lao động, truyền thống nghề nghiệp của gia đình.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú lồng ghép vào các môn học và các hoạt động tập thể phù hợp với lứa tuổi học sinh THCS và đạt kết quả thiết thực.

Nhà trường đã tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm mang tính giáo dục cao.

3. Điểm yếu

Các nội dung hướng nghiệp mới dừng lại ở tư vấn, giới thiệu cho học sinh một số nội dung mà chưa hỗ trợ định hướng cụ thể nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Chưa tổ chức được nhiều buổi tham quan trải nghiệm thực tế ở các cơ sở nghề trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt việc giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tăng cường tuyên truyền vận động HS tích cực tham gia học nghề tại Trung tâm dạy nghề của tỉnh, Trung tâm GDNN-GDTX của huyện.

Chủ động xây dựng kế hoạch, liên hệ với Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên tổ chức dạy nghề cho học sinh theo nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kĩ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;
- b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;
- c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch về việc giáo dục rèn luyện các kỹ năng cho học sinh, tuyên truyền giáo dục phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.5-01].

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật được thực hiện thông qua các tiết học tự chọn các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt nội trú, nhà trường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng và đã có những chuyển biến tích cực [H1-1.8-02]; [H5-5.5-01].

Đạo đức lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc [H1-1.1-02]; [H5-5.1-04]; [H5-5.5-01].

Trong quá trình dạy học giáo viên đã hướng dẫn HS biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh, từng bước hình thành, phát triển các kỹ năng [H1-1.5-03]; [H5-5.4-01]; [H5-5.5-01].

HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ kỹ thuật thông qua sự hướng dẫn của thầy cô; có nhiều sản phẩm đạt giải trong các cuộc thi [H1-1.1-02]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

Học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật thông qua các hoạt động giáo dục có chuyển biến tích cực; Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, từng bước hình thành và phát triển.

Hàng năm đều có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cuộc thi “sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng” các cấp và có sản phẩm đạt giải.

3. Điểm yếu

Còn một số ít học sinh chưa mạnh dạn trong các hoạt động tập thể. Nhận thức về sức khỏe, giới tính của học sinh còn hạn chế. Khả năng thích ứng, chủ động, tích cực, tự tin của một số học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường giáo dục các kỹ năng cơ bản cho học sinh thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp, chú trọng giáo dục trực tiếp thông qua các hành động, sinh hoạt hàng ngày.

Tăng cường giáo dục ý thức đạo đức học sinh trong các giờ hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp và được lồng ghép với các môn học; giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động tập thể phong phú, sinh động, gần gũi với học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường: Đạt ít nhất 5% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở);*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường: Không quá 100% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở);*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở).*

b) *Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

- *Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban.*

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả hai mặt giáo dục của học sinh được đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Kết quả hai mặt giáo dục của nhà trường hàng năm đảm bảo quy định và có chuyển biến tích cực: học sinh xếp loại

học lực từ Đạt trở lên đạt trên 98% trong đó học sinh xếp loại học lực khá đạt 35%, học sinh xếp loại học lực giỏi đạt 10,0% trở lên. Tỷ lệ học sinh yếu, kém không quá 2,0% [H1-1.1-02]; [H5-5.1-04].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp: HS lớp 9 được công nhận tốt nghiệp đạt tỷ lệ 98-100%, chuyển lớp thẳng hàng năm đạt trên 95,0% trở lên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.6-01].

Việc định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-02]; [H5-5.1-04]; [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Tỷ lệ học sinh bỏ học và học sinh lưu ban hàng năm không quá 1% [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H5-5.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chuyên môn. Quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng thông qua cuộc họp, báo cáo tổng kết, sơ kết năm học. Học sinh tự giác, chủ động tích cực hơn trong học tập nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn học, lớp học, cấp học. Chất lượng chuyển biến mạnh mẽ.

Theo đánh giá chất lượng đạo đức hàng năm, nhà trường luôn đạt chỉ tiêu chất lượng đạo đức đối với học sinh. Các em học sinh có ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong; có ý thức thực hiện điều lệ học sinh, nội quy trường, lớp; thực hiện nghiêm túc pháp luật, có kỹ năng sống.

Chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường đảm bảo tỉ lệ theo quy định. Tỉ lệ học sinh khá, giỏi có nhiều chuyển biến tích cực, năm sau cao hơn năm trước.

3. Điểm yếu:

Còn một số ít học sinh chưa chuyên cần nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để duy trì tốt sĩ số HS đảm bảo tỷ lệ học sinh lên lớp; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì ổn định tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt việc phụ đạo học sinh yếu, kém; thực hiện dạy học sát đối tượng, phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường.

Giáo viên chủ nhiệm xây dựng, thực hiện tốt nề nếp học tập, phong trào học tập của lớp, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh, giáo viên bộ môn quan tâm và tạo môi trường học tập tốt cho học sinh.

Tăng cường phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong việc giáo dục học sinh, coi trọng biện pháp nêu gương, thuyết phục trong giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5

1. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường xây dựng được kế hoạch chỉ đạo hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kì, tháng, tuần. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng bộ môn. Việc rà soát đánh giá thực hiện chương trình, kế hoạch được tiến hành thường xuyên.

Nhà trường quan tâm chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học. Hầu hết giáo viên tích cực đổi mới PPDH biết sử dụng hợp lý các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin hợp lý, dạy học gắn với thực tiễn, xây dựng chủ đề dạy học tích hợp, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn kỹ năng tư duy cho học sinh. Quan tâm đến từng đối tượng học sinh do đó đã khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, nhiều em có ý thức vươn lên trong học tập, rèn luyện khả năng tự học.

Tham mưu xây dựng được kế hoạch PCGD của địa phương. Triển khai thực hiện tốt công tác PCGD. Kết quả PCGD được duy trì, giữ vững.

Hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu được quan tâm góp phần nâng cao chất lượng, số học sinh giỏi tăng lên rõ rệt, học sinh yếu kém ngày càng giảm.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương, thông qua đó góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, dạy học gắn với thực tiễn của học sinh.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường coi trọng thông qua đó góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

Công tác giáo dục hướng nghiệp đã định hướng ngành nghề phù hợp cho học sinh.

Chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây chuyển biến mạnh mẽ. Có nhiều học sinh đạt giải tại các kì thi học sinh giỏi các cấp. Hiệu quả giáo dục hàng năm của nhà trường đáp ứng yêu cầu đặt ra.

2. Điểm yếu

Trong các năm học vẫn còn một số ít học sinh chưa chuyên cần nên ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

Số lượng học sinh giỏi các cấp chưa ổn định qua các năm.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt Mức 3

Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 6/6

Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 6/6

Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 4/4

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: *Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hàng năm theo quy định, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông. Kế hoạch giáo dục giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Kế hoạch hàng năm của nhà trường có nội dung rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung tham khảo chương trình

giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hằng năm của nhà trường có nội dung được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo Ban giám hiệu cần tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để đưa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: *Đảm bảo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

1. Mô tả hiện trạng

Đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch; rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu. Tất cả học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu đều hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao đạt giải được các cấp có thẩm quyền công nhận [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Có chính sách quan tâm khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu; hỗ trợ học sinh khuyết tật. Chất lượng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu chuyển biến mạnh mẽ qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Một số gia đình chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn phó thác cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác khảo sát phân loại học sinh. Phân công giáo viên giảng dạy hợp lý. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Ban giám hiệu, giáo viên giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm cần tăng cường phối hợp chặt chẽ với gia đình phụ huynh học sinh để giúp cho tất cả phụ huynh học sinh nhận thức rõ về nhiệm vụ học tập của con em trong nhà trường. Tổ chức tốt dạy học 2 buổi/ ngày lồng ghép bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

Các tổ chuyên môn tiếp tục đưa chuyên đề trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu để đồng nghiệp hỗ trợ phát triển chuyên môn. Nhà trường phối hợp với công đoàn tổ chức cho giáo viên tham quan học tập kinh nghiệm các trường đã làm tốt công tác này.

Kết hợp với Hội khuyến học, các tổ chức, cá nhân, Ban đại diện CMHS đề động viên, khích lệ các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc về bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 3: *Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Hằng năm nhà trường đã thành lập được các đội tuyển tham gia các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện, cấp tỉnh; các cuộc thi do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức: thi nghiên cứu KHKT và sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng năm học 2020-2021 đạt 01 giải ba KHKT, 02 giải khuyến khích sáng tạo thanh thiếu niên cấp huyện; năm học 2021-2022 đạt 01 giải A và 01 giải khuyến khích sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện, 01 giải ba KHKT cấp huyện năm học 2022-2023 đạt 01 giải ba cuộc thi nghiên cứu KHKT và 01 giải C thi sáng tạo TTNND cấp huyện, năm 2023-2024 đạt 01 giải ba KHKT cấp huyện, 1 giải C STTTN cấp huyện, năm 2024-2025 đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì cấp huyện cuộc thi KHKT, 01 giải ba cấp tỉnh. Sáng tạo thanh thiếu niên đạt 01 giải B cấp huyện [H1-1.1-02]; [H1-1.2-08]; [H5-5.2-05]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Học sinh của nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, biết vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn. Nhiều năm liền nhà trường đạt giải cao trong kì thi vận dụng kiến thức liên môn và KHKT.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, đầu tư, vận động học sinh tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: *Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có một phòng thư viện đạt tiên tiến được trang bị đầy đủ tủ, giá đựng sách báo các loại như: tủ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo, sách nghiệp vụ truyện và ký, thông tin tập san, tạp chí nghiên cứu khoa học, thơ, từ

điện, truyền thiếu nhi tiện cho việc bảo quản tài liệu trong thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện theo qui định của Bộ GD&ĐT; phòng đọc rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng yêu cầu phục vụ bạn đọc [H3-3.6-01].

Cán bộ thư viện đã xây dựng được kế hoạch, nội quy hoạt động của thư viện phù hợp với thực tế của nhà trường. Có lịch mở, đóng cửa thư viện hằng ngày để cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện [H3-3.6-02].

Phòng đọc, thư viện được trang bị hệ thống máy tính kết nối Internet đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý của nhà trường [H3-3.5-03]; [H3-3.6-01].

Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H1-1.6-02]; [H3-3.6-02].

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt tiên tiến [H1-1.1-02]; [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Thư viện, phòng đọc nhà trường có đầy đủ sách, báo, tạp chí và các tài liệu phục vụ cho công tác dạy và học. Sách, báo, tạp chí, tài liệu được phân loại khoa học sắp xếp, gọn gàng, ngăn nắp tiện cho việc quản lý tra cứu. Thư viện đảm bảo theo tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

Hồ sơ, sổ sách thư viện, phòng đọc được lưu trữ bảo quản và cập nhật thường xuyên.

Nhà trường có hệ thống mạng Internet, hệ thống Wifi đáp ứng được nhu cầu dạy và học, quản lý trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Cơ sở hạ tầng của thư viện chưa đáp ứng tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện CSVC của thư viện. Tăng cường công tác quản lý, bổ sung các đầu sách hàng năm cho thư viện.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật Giáo dục ((Điều 29, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019): giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trong quá trình tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng. Kế hoạch hằng năm của nhà trường có nội dung rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Trong 05 năm liên tiếp nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Trong những năm qua nhà trường được các cấp có thẩm

quyền tặng Bằng khen, Giấy khen [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng đóng góp ý kiến xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và định hướng đến năm 2035. Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc tiếp nhận ý kiến đóng góp của phụ huynh, cộng đồng để xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua trang web chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai nhằm tranh thủ sự đóng góp ý kiến của mọi tổ chức, cá nhân. Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với thực tiễn, tiềm lực của nhà trường và địa phương. Triển khai các giải pháp khoa học nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Đa dạng hóa việc tiếp nhận các ý kiến đóng góp của cộng đồng, phụ huynh thông qua trang web.

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu trong phương hướng, chiến lược nhằm thúc đẩy chất lượng giáo dục nhà trường tăng cao hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá nghiêm túc theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cuối mỗi học kỳ đều có bảng tổng hợp kết quả học tập của từng lớp và đạt theo yêu cầu kế hoạch của nhà trường đề ra. Kết quả học lực, hạnh kiểm; tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 05 năm liên tiếp có ít nhất 02 năm vượt trội hơn so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.2-01]; [H1-1.5-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chuyên môn. Quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng thông qua cuộc họp, báo cáo tổng kết, sơ kết năm học. Học sinh tự giác, chủ

động tích cực hơn trong học tập nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn học, lớp học, cấp học. Chất lượng chuyển biến mạnh mẽ.

Theo đánh giá chất lượng đạo đức hằng năm, nhà trường luôn đạt chỉ tiêu chất lượng đạo đức đối với học sinh. Các em học sinh có ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong; có ý thức thực hiện điều lệ học sinh, nội quy trường, lớp; thực hiện nghiêm túc pháp luật, có kỹ năng sống.

Tỉ lệ học sinh lên lớp, tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm cao và ổn định.

3. Điểm yếu

Một số học sinh tính chủ động trong học tập chưa cao, thầy cô còn phải kèm cặp nhiều. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của học sinh vẫn còn hạn chế.

Cá biệt vẫn còn học sinh có ý thức rèn luyện đạo đức và học tập chưa thường xuyên, chưa thực hiện tốt nội quy trường lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu tiếp tục thực hiện chỉ đạo đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng. Quan tâm chỉ đạo xây dựng chương trình dạy học nội bộ; dạy học phân hóa phù hợp đối tượng; dạy học gắn với thực tiễn; đổi mới kiểm tra đánh giá... Tạo môi trường học tập tốt cho học sinh.

Tổ chuyên môn tiếp tục quan tâm thực hiện các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn nâng cao chất lượng học tập cho học sinh. Quản lý nội dung chương trình dạy học của giáo viên.

Giáo viên chủ nhiệm xây dựng nền nếp học tập, phong trào học tập của lớp, phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn nâng cao chất lượng học sinh. Phối hợp với phụ huynh học sinh quan tâm, tạo điều kiện, thời gian tự học ở nhà cho học sinh, đi học chuyên cần, tham gia học buổi 2, phụ đạo đầy đủ.

Giáo viên giảng dạy thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Lồng ghép giữa truyền đạt kiến thức, kỹ năng cơ bản với phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi thực hiện dạy học sát đối tượng. Quan tâm giúp đỡ từng học sinh.

Đội TNTP Hồ Chí Minh phát động phong trào thi đua học tốt, đôi bạn cùng tiến, xây dựng nền nếp ý thức tự quản, tự học. Phát huy sự sáng tạo chủ động của học sinh.

Học sinh phải xác định trách nhiệm học tập, có ý thức tự giác, chuyên cần, chủ động tích cực học tập.

Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, các đoàn thể cần tiếp tục tuyên truyền vận động cho mọi người thấy được việc giáo dục đạo đức học sinh là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong nhà trường.

Kiên trì, thống nhất quan điểm giáo dục toàn diện, không xem nhẹ mặt giáo dục nào.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoại khóa; trong nhà trường, ngoài xã hội, tại gia đình học sinh.

Tiếp tục phối hợp đồng bộ các môi trường giáo dục đạo đức học sinh: Gia đình - nhà trường - xã hội.

Giáo dục đạo đức học sinh cần chú trọng giáo dục các phẩm chất đạo đức, truyền thống lịch sử, văn hóa, nội quy kỷ luật, giáo dục pháp luật với rèn luyện kỹ năng sống.

Coi trọng biện pháp nêu gương, thuyết phục trong giáo dục.

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được về kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

1. Điểm mạnh nổi bật

Kế hoạch hằng năm của nhà trường có nội dung được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành các mục tiêu giáo dục đề ra.

Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học trong năm học 2020-2021, 2021-2022, 2023-2024 có 1 sản phẩm đạt giải ba cấp huyện, năm học 2024-2025 có 01 giải nhất, 01 giải nhì cấp huyện, 01 giải ba cấp tỉnh.

Thư viện, phòng đọc nhà trường có đầy đủ sách, báo, tạp chí và các tài liệu phục vụ cho công tác dạy và học. Sách, báo, tạp chí, tài liệu được phân loại khoa học sắp xếp, gọn gàng, ngăn nắp tiện cho việc quản lý tra cứu. Thư viện đảm bảo theo tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 05 năm liên tiếp có ít nhất 02 năm vượt trội hơn so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng.

2. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định.

3. Đánh giá: Không đạt Mức 4

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6.

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 3/6.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã khái quát tương đối đầy đủ những kết quả mà tập thể đã đạt được trong 5 năm qua, đã khẳng định quá trình nỗ lực phấn đấu vươn lên của đơn vị thể hiện bởi những thành tích, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, bên cạnh đó báo cáo nêu rõ thực trạng của nhà trường về CSVCS, đội ngũ, nguồn lực và những vấn đề khác có liên quan đến chất lượng giáo dục để thông báo với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên từ đó đơn vị có kế hoạch điều chỉnh các nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn chất lượng, uy tín của nhà trường.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường THCS do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các chỉ số, các tiêu chí như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28, đạt tỷ lệ 100%;

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28, đạt tỷ lệ 100%;

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 3: 20/20, đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 4:

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 4: 3/6, đạt tỷ lệ 50%;

+ Số lượng và tỷ lệ % tiêu chí không đạt Mức 4: 3/6, đạt tỷ lệ 50%;

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 3

Cơ sở giáo dục đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024, Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông và theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT về chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học và các mức đánh giá trường trung học, Trường THCS Núa Ngam, tỉnh Điện Biên tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường về công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng tốt hơn./.

Núa Ngam, ngày 20 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Thành